TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST.
Ngày: 26/6/2020.
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy

2. Ông Trần Văn Hưng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S

Địa chỉ: phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện : Ông Nguyễn Hoàng C – Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh BT.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đặng Minh T, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Mộng H, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ông T có mặt, bà H vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mộng H có ký Hợp đồng tín dụng số LD1813100073 ngày 11 tháng 5 năm 2018 với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh BT, nội dung cụ thể

như sau: Số tiền vay: 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng. Lãi suất: 9.6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 05 năm, ngày đáo hạn: 11/5/2023. Mục đích vay: tiêu dùng. Phương thức trả: vốn và lãi được chia thành 60 kỳ, kỳ hạn trả nợ 01 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 30/6/2018, các kỳ trả nợ tiếp theo vào ngày 30 hàng tháng, số tiền trả mỗi kỳ là 1.726.000đồng, số tiền trả cuối kỳ là 1.766.000đồng. Ngân hàng TMCP S cho bà H vay theo hình thức cho vay không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thanh toán từ ngày 11/5/2018 đến ngày 29/10/2019, bà Nguyễn Thị Mộng H đã thanh toán cho ngân hàng 16 kỳ với số vốn và lãi là 27.616.000đồng, trong đó tiền vốn đã trả là 18.656.000đồng, tiền lãi đã trả là 8.960.000đồng.

Tuy nhiên từ ngày 30/10/2019 bà Nguyễn Thị Mộng H không thực hiện thanh toán như hợp đồng dẫn đến khoản vay bị quá hạn. Dư nợ tính đến ngày 26/6/2020 là 56.476.000đồng, trong đó: tiền vốn là 51.344.000đồng, tiền lãi trong hạn là 4.969.000đồng, tiền lãi quá hạn là 163.000đồng.

Căn cứ vào khoản d Điều 1 Phụ lục các Hợp đồng tín dụng số LD1813100073 ngày 11/5/2018 bà Nguyễn Thị Mộng H đã vi phạm Hợp đồng khi không thanh toán khoản vay theo Hợp đồng dẫn đến khoản vay bị quá hạn nên Ngân hàng đình chỉ hợp đồng vay nêu trên.

Bên cạnh đó, ngày 16/3/2018, bà Nguyễn Thị Mộng H có yêu cầu Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh BT cấp thẻ tín dụng. Qua xác minh thực tế nhu cầu và tình hình kinh tế của khách hàng, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị Mộng H theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/3/2018: Loại thẻ JCB hạng chuẩn; Hạn mức tín dụng thẻ được cấp là 15.000.000đồng; Mục đích tiêu dùng; Lãi suất 2.5%/tháng; Thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm và thẻ tự động gia hạn thời gian sử dụng. Phương thức thanh toán: cuối mỗi tháng ngân hàng chốt nợ và thông báo đến bà H qua hệ thống tin nhắn, bà H phải thanh toán ít nhất 5% số tiền vốn gốc và tiền lãi phát sinh.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Mộng H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 21.217.311đồng. Trong quá trình thanh toán từ ngày 31/3/2018 đến ngày 29/9/2019, bà Nguyễn Thị Mộng H vẫn thực hiện đúng theo Hợp đồng với tổng số tiền đã thanh toán là 13.355.000đồng. Từ ngày 30/9/2019, bà Nguyễn Thị Mộng H không thực hiện thanh toán Hợp đồng dẫn đến thẻ tín dụng bị quá hạn. Dư nợ hiện tại tính đến 26/6/2020 là 21.852.835đồng. Trong đó: tiền vốn là 16.651.963đồng, tiền lãi trong hạn là 3.449.248đồng, tiền lãi quá hạn là 1.724.624đồng.

Căn cứ vào Điều 23, Điều 34 phụ lục điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ký ngày 16/3/2018 bà Nguyễn Thị Mộng H đã vi phạm Hợp đồng nên ngân hàng đình chỉ Hợp đồng thẻ tín dụng nêu trên.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị Mộng H phải trả cho Ngân hàng TMCP S :

- Toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại của Hợp đồng tín dụng số LD1813100073 ngày 11/5/2018 tính đến ngày 26/6/2020 là 56.476.000đồng, trong đó: tiền vốn là 51.344.000đồng, tiền lãi trong hạn là 4.969.000đồng, tiền lãi quá hạn là 163.000đồng.

- Toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 26/6/2020 là 21.852.835đồng. Trong đó: tiền vốn là 16.651.963đồng, tiền lãi trong hạn là 3.449.248đồng, tiền lãi quá hạn là 1.724.624đồng.

Đồng thời, ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi bà H trả tất nợ.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập bà Nguyễn Thị Mộng H tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà H không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của bà H cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bà H được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện bà Nguyễn Thị Mộng H theo Hợp đồng tín dụng số LD1813100073 ngày 11/5/2018 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/3/2018. Xét quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Nguyễn Thị Mộng H là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng H được ghi trong Hợp đồng tín dụng số LD1813100073 ngày 11/5/2018 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/3/2018. Tuy nhiên hiện nay bà Nguyễn Thị Mộng H không còn cư trú tại địa chỉ trên. Việc bà H thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong Hợp đồng mà không thông báo cho Ngân hàng TMCP S nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015 được xem là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ theo địa chỉ cư trú của bị đơn được ghi trong Hợp đồng tín dụng số LD1813100073 ngày 11/5/2018 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/3/2018, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng H đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Mộng H.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng tín dụng số LD1813100073 ngày 11/5/2018 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/3/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với bà Nguyễn Thị Mộng H được ký kết bằng văn bản, trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Đối với yêu cầu trả số tiền gốc và lãi còn lại của Hợp đồng tín dụng số LD1813100073 ngày 11/5/2018 tính đến ngày 07/5/2020 là 55.686.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, Ngân hàng TMCP S đã thực hiện việc giải ngân số tiền 70.000.000đồng cho bà H theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1813100073 vào ngày 11/5/2018. Việc bà H không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng về việc trả lãi và vốn cho ngân hàng TMCP S là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD1813100073 ngày 11/5/2018, căn cứ vào điểm d Điều 1 Phụ lục các Điều khoản chung đính kèm Hợp đồng tín dụng số LD 1813100073 ngày 11/5/2018, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu buộc bà H trả số tiền tính đến ngày 26/6/2020 là 56.476.000đồng, trong đó: tiền vốn là 51.344.000đồng, tiền lãi trong hạn là 4.969.000đồng, tiền lãi quá hạn là 163.000đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/6/2020 đến ngày bà H trả tất nợ cho Ngân hàng TMCP S theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1813100073 ngày 11/5/2018 là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 07/5/2020 là 20.743.435đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng TMCP S đã thực hiện việc cấp thẻ tín dụng JBC cho bà H và bà H đã nhận thẻ vào ngày 26/3/2018. Sau khi nhận thẻ, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 21.217.311đồng. Việc bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thông báo của ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Điều 23 Phụ lục Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng TMCP S nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà H trả toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 26/6/2020 là 21.852.835đồng. Trong đó: tiền vốn là 16.651.963đồng, tiền lãi trong hạn là 3.449.248đồng, tiền lãi quá hạn là 1.724.624đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/6/2020 đến ngày bà H trả tất nợ cho Ngân hàng TMCP S theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/3/2018 là có cơ sở nên được chấp nhận

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là: 78.328.835 đồng x 5% = 3.916.500đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, cụ thể tuyên:

Buộc bà Nguyễn Thị Mộng H chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 26/6/2020 là: 78.328.835 (Bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi tám nghìn tám trăm ba mươi lăm) đồng, gồm:

- Nợ gốc 51.344.000 (Năm mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng, tiền lãi trong hạn 4.969.000 (Bốn triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn) đồng, tiền lãi quá hạn 163.000 (Một trăm sáu mươi ba nghìn) đồng theo Hợp đồng tín dụng số LD1813100073.

- Nợ gốc 16.651.963 (Mười sáu triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng, tiền lãi trong hạn 3.449.248 (Ba triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi tám) đồng, tiền lãi quá hạn 1.724.624 (Một triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi bốn) đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/3/2018

Kể từ ngày 27/6/2020, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị Mộng H phải chịu là 3.916.500 (Ba triệu chín trăm mười sáu nghìn năm trăm) đồng

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 1.747.000 (Một triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai số 0008533 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng H vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP BT.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương